

KINH TẾ NÔNG NGHIỆP Ở HUYỆN HÀ CHÂU, TỈNH HÀ TIÊN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ TRIỀU NGUYỄN (1836)

Bùi Hoàng Tân*, Võ Ngọc Hiền, Lê Tuấn Anh
Trường Đại học Cần Thơ

TÓM TẮT

Huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên là vùng đất mới được khai phá, song hoạt động canh tác nông nghiệp đã có nhiều chuyên biến. Thông qua nguồn tư liệu địa bạ triều Nguyễn (1836), bài báo góp phần phản ánh những nét cơ bản về tình hình kinh tế nông nghiệp Hà Châu nửa đầu thế kỷ XIX. Ở khía cạnh khác, bài viết có ý nghĩa thực tiễn trong việc đề xuất nghiên cứu mới về chính sách quản lý kinh tế địa phương trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế toàn cầu hiện nay.

Từ khóa: Kinh tế nông nghiệp; huyện Hà Châu; tỉnh Hà Tiên; tư liệu địa bạ; triều Nguyễn.

Ngày nhận bài: 26/6/2019; Ngày hoàn thiện: 05/8/2019; Ngày đăng: 23/8/2019

AGRICULTURAL ECONOMICS IN HA CHAU DISTRICT, HA TIEN PROVINCE IN THE FIRST HALF OF THE 19TH CENTURY THROUGH STUDYING CADASTRAL REGISTERS OF NGUYEN DYNASTY (1836)

Bui Hoang Tan*, Vo Ngoc Hien, Le Tuan Anh
Can Tho University

ABSTRACT

Ha Chau district, Ha Tien province is the new lands to be explored, but agricultural cultivation has changed. Through cadastral registers of Nguyen dynasty (1836), this paper contributes to reflect the basic features of Ha Chau agricultural economics in the first half of the 19th century. In another perspective, the paper can also be significant in suggesting new study on the issue of local economic management policy in the context of current economic integration and development.

Keywords: Agricultural economics; Ha Chau district; Ha Tien province; cadastral registers; Nguyen dynasty.

Received: 26/6/2019; Revised: 05/8/2019; Published: 23/8/2019

* Corresponding author. Email: bhtan@ctu.edu.vn

1. Khái quát về vùng đất Hà Châu

Hà Châu là đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Hà Tiên được thiết lập vào năm 1832. Tuy vậy, vùng đất này nhiều lần được thay đổi tên gọi và địa giới nên lịch sử diên cách khá phức tạp.

Trước thế kỉ VII, vùng đất này thuộc địa phận của Phù Nam. Sau đó, người Chân Lạp chiếm dụng từ thế kỉ VII – XVII nhưng họ không thực sự làm chủ và tổ chức hoạt động canh tác, về cơ bản vẫn là một vùng đất hoang vô chủ. Cuối thế kỉ XVII, vì bất mãn với triều Mãn Thanh (Trung Quốc), Mạc Cửu đã vượt biển về phương Nam để tìm kiếm nơi cư trú mới. Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Trương Minh Đạt, năm 1708, Mạc Cửu mới thực sự mở mang đất Hà Tiên – Rạch Giá – Cà Mau và Phú Quốc, trong đó bao gồm cả phần đất thuộc Hà Châu [1, tr. 49].

Năm 1708, Mạc Cửu đã dâng toàn bộ đất Hà Tiên cho chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong và được sắc phong làm Tổng binh trấn Hà Tiên. Như vậy, toàn bộ đất đai trấn Hà Tiên, trong đó bao gồm cả phần đất Hà Châu chính thức thuộc chủ quyền của Việt Nam dưới thời chúa Nguyễn. Trong gần một thế kỉ XVIII, dòng họ Mạc đã ra sức xây dựng và phát triển trấn Hà Tiên trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa thịnh vượng ở phía Nam xứ Đàng Trong.

Vùng đất này chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự xâm chiếm của Xiêm, Chân Lạp và các biến động chính trị, đặc biệt là cuộc nội chiến Tây Sơn với chính quyền Chúa Nguyễn. Năm 1777, chính quyền Tây Sơn đã làm chủ trấn Hà Tiên, Mạc Thiên Tích đã bỏ chạy sang Xiêm cầu viện và tự vẫn ở Xiêm năm 1780. Nguyễn Ánh sau khi tái chiếm được trấn Hà Tiên nhưng vẫn giao Mạc Tử Thiêm làm cai cơ trấn Hà Tiên. Dưới thời vua Gia Long, vùng đất Hà Châu về cơ bản vẫn thuộc quyền quản lý của trấn Hà Tiên.

Năm 1825, vua Minh Mạng cho lập huyện Hà Tiên. Năm 1826, huyện Hà Tiên được sáp nhập vào phủ An Biên. Năm 1832, phủ An

Biên đổi tên thành phủ Khai Biên và huyện Hà Tiên thành huyện Hà Châu, giao cho phủ Khai Biên quản lý. Năm 1834, phủ Khai Biên đổi thành phủ An Biên như cũ. Năm 1836, triều Nguyễn đã thực hiện đo đạc ruộng đất và lập địa bạ Nam Kỳ. Trong đó, huyện Hà Châu thuộc tỉnh Hà Tiên bao gồm 5 tổng với 44 xã, thôn: Hà Nhuận, Hà Thanh, Nhuận Đức, Thanh Di và Phú Quốc. Căn cứ vào ghi chép của *Đại Nam nhất thống chí*, giới hạn huyện Hà Châu ở nửa đầu thế kỉ XIX: “*huyện Hà Châu: đông tây cách nhau 27 dặm, nam bắc cách nhau 42 dặm, phía đông đến địa giới huyện Hà Âm tỉnh An Giang 25 dặm, phía tây giáp biển 2 dặm, phía nam giáp địa giới huyện Kiên Giang 22 dặm, phía bắc đến địa giới Cao Miên 20 dặm*” [2, tr. 8].

Về cơ bản, huyện Hà Châu nửa đầu thế kỉ XIX được giới hạn bởi phần đất thuộc các tổng: Hà Thanh, Thanh Di, Phú Quốc tương ứng với thị xã Hà Tiên, huyện Kiên Lương, huyện Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang ngày nay. Phần đất thuộc tổng Hà Nhuận, tổng Nhuận Đức tương ứng với huyện Banteay Meas, Kampong Trach của tỉnh Kampot, Kiri Vong của tỉnh Takeo và thành phố Keb của Campuchia hiện nay.

2. Tình hình kinh tế nông nghiệp ở huyện Hà Châu nửa đầu thế kỉ XIX

2.1. Hoạt động canh tác nông nghiệp

Dưới triều Nguyễn, chính sách khẩn hoang và công tác thủy lợi luôn được chú trọng, nhờ vậy, canh tác nông nghiệp ở huyện Hà Châu có nhiều chuyển biến mới. Thông qua địa bạ đã phản ánh tình hình sử dụng ruộng đất nơi đây, chủ yếu là canh điền và canh viên:

- Canh điền là canh tác ruộng với hoạt động chủ yếu là trồng lúa.

- Canh viên là canh tác đất vườn, trồng các loại cây nông sản và cây ăn quả khác nhau tùy thuộc vào thổ nhưỡng ở từng khu vực.

Qua khảo sát địa bạ cho thấy, ruộng lúa ở đây là ruộng gò cao mới được khai khẩn do địa hình đồi núi. Lúa có nhiều giống khác nhau như lúa nếp, lúa tẻ, ngô đỏ...

Các loại cây nông sản nổi tiếng như hồ tiêu, dâu, cau, trà, đặc biệt hồ tiêu chỉ trồng ở Hà Châu đã tạo nên đặc trưng cho nông sản vùng này. Ngoài ra, thổ nhưỡng nơi đây còn thích hợp cho các loại cây ăn trái khác, sách Thời thực ký văn của Trương Quốc Dụng có chép “*có thứ sơn trà cũng là loại xoài, nhánh và lá đều nhỏ, trái nhỏ hơn xoài muỗm, ở Hà Tiên thì rất ngọt mà thơm, ở Quảng Bình trở ra bắc thơm mà rất chua*” [3, tr. 162].

Riêng đảo Phú Quốc có địa hình núi đá hải đảo, đất đai khó canh tác, tuy nhiên vẫn gieo trồng được “*lúa nương, các thứ đỗ, ngô, quả dưa, mà lúa nếp rất ít*” [4, tr. 68]. Song, địa bạ chỉ ghi nhận thôn Tiên Tinh trồng hồ tiêu với diện tích hơn 6 mẫu. Điều đó phản ánh thực tế lời nhận xét của vua Minh Mạng “*chắc rằng Kinh Lược thần (Trương Đăng Quế) cũng không nhất tâm đến tận nơi, chẳng qua đoán phỏng mà gượng gạo phân chia, bộ thần cũng cứ theo giấy mà chêm chước lại. Xét về sự lý và nhân tình đều chưa thích đúng cả*” [5, tr. 1001].

Huyện Hà Châu có tổng diện tích ruộng đất canh tác là 703.5.12.0 chiếm 22,46% diện tích ruộng đất canh tác của tỉnh Hà Tiên. Đất ruộng là 362,9 mẫu chiếm 13,19% diện tích ruộng toàn tỉnh; đất vườn là 340,6 mẫu chiếm 89,28% diện tích đất vườn toàn tỉnh (Bảng 1, 2).

Theo đó, ruộng tổng Thanh Di có diện tích 208,3 mẫu chiếm 57,41% tổng diện tích ruộng của huyện và 7,57% diện tích ruộng tỉnh. Tổng Phú Quốc có 6 mẫu vườn chiếm 1,78% diện tích vườn của huyện và 1,57% diện tích đất vườn toàn tỉnh. Tổng Hà Thanh có 146,7 mẫu đất vườn chiếm 43,08% diện tích vườn của huyện và 38,45% toàn tỉnh. Trong đó, thôn Dương Hòa, tổng Thanh Di có diện tích ruộng lớn nhất với 72,3 mẫu chiếm 19,92% diện tích ruộng của huyện; thôn Tân Thạnh, tổng Hà Thanh có diện tích ruộng nhỏ nhất là 2,9 mẫu chiếm 0,8%.

Căn cứ vào địa bạ, đất đai ở các tổng chỉ thích ứng với một số loại cây trồng nhất định, điều đó được thể hiện qua diện tích trồng trọt:

- Tổng Hà Nhuận: đất trồng tiêu 36,4 mẫu chiếm 12,78%; đất trồng dâu 0,6 mẫu chiếm 3,93% diện tích của huyện.

- Tổng Hà Thanh: đất trồng tiêu có diện tích 111,3 mẫu chiếm 39,08%; đất trồng cau là 30,2 mẫu chiếm 86,28% diện tích của huyện. Ngoài ra, Hà Thanh còn là tổng duy nhất ở huyện có diện tích ruộng muối là 1,5 mẫu. Do có ưu thế về đường bờ biển nên cư dân Hà Châu còn khai thác ruộng muối, tuy diện tích nhỏ nhưng muối là một trong những nguồn lợi lớn nơi đây. Ruộng muối đều thuộc sở hữu tư nhân và nộp thuế với mức 7 phương muối/mẫu, tương đương 245,7kg muối.

- Tổng Nhuận Đức chỉ trồng hai loại tiêu và cau với diện tích 29,6 mẫu và 2,3 mẫu.

- Tổng Phú Quốc: đất trồng tiêu 6 mẫu chiếm 2,11% đất trồng tiêu của huyện.

- Tổng Thanh Di: đất trồng tiêu là 101,4 mẫu chiếm 35,61%; đất trồng dâu 14,8 mẫu chiếm 96,07%; đất trồng cau 2,4 mẫu chiếm 6,89% diện tích trồng cau toàn huyện.

Bảng 1. Thống kê diện tích canh tác ruộng

Đơn vị tính: mẫu/sào/thước/tấc

TT	Tổng	Diện tích ruộng	Tỉ lệ %	
			Huyện	Tỉnh
1	Hà Nhuận	8.9. 5.0	2,46	0,33
2	Hà Thanh	89.2. 8.4	24,59	3,25
3	Nhuận Đức	56.4. 1.3	15,54	2,05
4	Phú Quốc	-	0	0
5	Thanh Di	208.3.11.8	57,41	7,57
	Tổng	362.9.11.5	100	13,19

Nguồn: [6]

Bảng 2. Thống kê diện tích canh tác vườn

Đơn vị tính: mẫu/sào/thước/tấc

TT	Tổng	Diện tích vườn	Tỉ lệ %	
			Huyện	Tỉnh
1	Hà Nhuận	37.0.11.1	10,88	9,70
2	Hà Thanh	146.7. 2.9	43,08	38,45
3	Nhuận Đức	31.9.12.7	9,39	8,37
4	Phú Quốc	6.0. 6.8	1,78	1,57
5	Thanh Di	118.7.12.0	34,87	31,12
	Tổng	340.6. 0.5	100	89,28

Nguồn: [6]

Kĩ thuật canh tác sơn điền, sách *Gia Định thành thông chí* mô tả: “*khi mới khai khẩn thì dẫn chặt cỏ cây, đợi cho khô đốt thành tro, đến khi mưa xuống cứ thế mà gieo thóc, không phải cày bừa, dùng sức ít mà được lợi nhiều, 3 hay 5 năm lại đổi trồng chỗ khác như phép thay ruộng (đại điền) của Triệu Quán đời Hán cũng là ý đời xưa cày bằng dao, bừa bằng lửa. Lại chỗ đồng thấp mà đã trung làm ruộng núi (ruộng sơn điền), lâu ngày ruộng đã thành thực rồi thì cày bừa cũng giống như ruộng thấp*” [4, tr. 155].

Kĩ thuật trồng lúa vẫn trên cơ sở áp dụng kĩ thuật trồng lúa nước truyền thống từ các thế kỷ trước. Canh tác lúa nước ở Hà Châu phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên, nước mưa là nguồn nước chủ yếu trồng lúa, vì thế thời vụ gieo trồng lúa phụ thuộc vào địa hình và thời tiết. Thời gian gieo mạ vào tháng 6, cấy lúa vào tháng 7, tháng 8 và thu hoạch vào khoảng tháng chạp, tháng giêng năm sau. Riêng ở Phú Quốc, đất thích hợp cho cấy lúa sớm thuộc “*các giống lúa băng, héo trắng, ba trắng, bát ngoạt, nếp hương bầu, từ cấy đến gặt chỉ mất 3 tháng*” [7, tr. 152].

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, nông dân trồng lúa hầu như không sử dụng phân bón hóa học như hiện nay, vì ruộng phần lớn được khai khẩn, còn giữ được chất màu mỡ tự nhiên của đất và cỏ, rơm rạ... là nguồn phân bón tự nhiên và thiết yếu để bổ sung dinh dưỡng cho ruộng lúa. Các kĩ thuật cày sâu, bừa kĩ là khâu trọng yếu để chuẩn bị đất ruộng. Trâu bò là phương tiện được tận dụng sức kéo cày bừa nhằm làm tăng độ phì nhiêu của ruộng đất.

Ngoài trồng lúa, cư dân ở Hà Châu còn canh tác vườn, đặc biệt là trồng hồ tiêu, vì thế đã tạo nên sản phẩm mang tính đặc trưng của Hà Châu bởi hồ tiêu nơi đây có vị thơm, cay nồng và đậm đà hương vị. Tuy đã trải qua hàng trăm năm nhưng hiện nay các kĩ thuật trồng và chăm sóc hồ tiêu ở Hà Tiên và Phú Quốc vẫn giữ theo lối truyền thống, nhờ đó đã góp phần phản ánh về cách thức trồng và chăm giống cây nông sản này một cách rõ nét.

Ngoài ra, cau cũng là loại cây nông sản quan trọng bậc nhất ở Nam Kỳ vào nửa đầu thế kỷ XIX. Ở huyện Hà Châu, đất trồng cau hơn 35 mẫu, chỉ sau đất trồng tiêu.

Bên cạnh đó, nghề trồng dâu ở huyện Hà Châu cũng được chú trọng. Thông thường, cây dâu được trồng vào đầu mùa mưa và hai tháng sau thu hoạch vụ đầu tiên. Sau một năm thu hoạch, chủ vườn dâu sẽ chặt ngang gốc dâu để ra tược mới và tiếp tục hái lá. Đất trồng dâu được khai khẩn ở những dải đất thấp ven sông như một số thôn thuộc tổng Hà Nhuận, tổng Thanh Di.

Nhìn chung, kĩ thuật canh tác nông nghiệp theo lối truyền thống và mang tính giản đơn. Kĩ thuật trồng trọt và chăm sóc cây trồng phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên như thổ nhưỡng, thời tiết, sông ngòi... Vì vậy, trồng trọt tuy có nhiều nét mới về giống loại cây trồng và năng suất gia tăng so với thế kỷ trước nhưng về cơ bản, kĩ thuật canh tác lạc hậu và chưa mang tính đột phá mới trong sản xuất nông nghiệp.

2.2. Hoạt động kinh tế nông nghiệp

Trong thế kỷ XVIII, nông nghiệp của vùng đất Hà Châu luôn được duy trì nhờ vào sự thịnh vượng của thương nghiệp nơi đây. Các loại hàng hóa như gạo, sáp ong, ngà voi... là những mặt hàng chủ lực trong việc trao đổi và mua bán. Vì thế “*thương nhân trong nước, nhất là thương nhân Đàng Trong đã coi những kho hàng hóa dồi dào của Hà Tiên chính là một nguồn đảm bảo chống lại những nạn đói*” [8, tr. 54]. Nửa đầu thế kỷ XIX, thương nghiệp suy yếu, sản xuất nông nghiệp chỉ ở mức đủ tiêu dùng trong gia đình, vì thế hoạt động mua bán, trao đổi nông sản nơi đây còn hạn chế.

Với mặt hàng lúa gạo, đến năm 1811 mới được phép lưu thông “*năm 1811, bỏ lệnh cấm buôn thóc cho Hà Tiên. Trước kia Mạc Tử Thiêm trấn thủ Hà Tiên, triều đình lấy riêng hai đạo Long Xuyên, Kiên giang lệ vào trấn Vĩnh Thanh, Hà Tiên mỗi năm chỉ được đong một vạn斛 thóc. Kẻ nào buôn gian trị tội.*”

Đến nay hai đạo lại thuộc về Hà Tiên quân lãnh, bèn bỏ lệ cấm ấy, việc mua bán lưu thông, dân đều được tiện” [9, tr. 810]. Giá lúa gạo ở Hà Châu khoảng 1,5 quan/vuông gạo, những lúc loạn lạc hay khan hiếm, giá gạo rất cao “*năm 1841, dân Thổ nổi loạn ở miền Tây Nam Việt; để dẹp loạn, quân đội của triều đình đã phải đốt mùa màng của dân chúng. Thủy lộ chính là con sông Vĩnh Tế lại bị quân phản loạn chiếm giữ, nên thuyền bè không thể qua lại để chuyên chở gạo từ các tỉnh phụ cận tới. Giá gạo khi đó rất cao; tháng 9 năm 1841, mỗi vuông gạo trị giá đến 5 quan ở Hà Tiên, trong khi thường thường giá gạo chỉ là 1 quan rưỡi một vuông là nhiều”* [10, tr. 130]. Qua đó phản ánh việc mua bán lúa gạo ở đây phần lớn do các vùng phụ cận chuyên đến.

Các sản phẩm nông sản khác như hồ tiêu, cau, trà... là những mặt hàng được ưa chuộng ở thị trường Nam Bộ. Phần lớn nông sản được bán cho các thuyền buôn người Hoa, đặc biệt là việc trồng cau ở huyện Hà Châu được “*dân địa phương không lấy quả, cứ để cho quả già khô rồi bóc lấy hạt bán cho người Tàu”* [7, tr. 154].

Chợ trung tâm là Mỹ Đức, các hoạt động mua bán và trao đổi hàng hóa diễn ra nhộn nhịp. Tuy nhiên, với sự suy tàn của thương cảng Hà Tiên, các hoạt động buôn bán ở Hà Châu không còn sôi động như trước “*chợ Mỹ Đức ở huyện Hà Châu, quán xá liên tiếp, người Kinh, người Trung Quốc tụ họp, trước kia đông đúc, nay thưa thớt dần”* [2, tr. 31].

Sản xuất nông nghiệp của cư dân nơi đây mang tính tự cấp tự túc, vì thế nguồn nông sản buôn bán trên thị trường không nhiều, thậm chí có lúc khan hiếm. Các nông sản như lúa gạo tuy được buôn bán cùng với số ít các loại khác như cau, trà... song đây không là mặt hàng chủ đạo. Trong khi đó, hải sản và thổ sản là mặt hàng chính trong hoạt động mua bán ở các chợ vì đây là ưu thế của thiên nhiên ở Hà Châu.

Ngoài canh tác ruộng vườn, ở Hà Châu còn có chăn nuôi trâu, bò dùng làm sức kéo trong

nông nghiệp. Bên cạnh đó, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng... được nuôi theo hộ gia đình, chủ yếu cung cấp thực phẩm. Tuy nhiên, hoạt động chăn nuôi chỉ góp phần bổ sung nguồn thực phẩm trong gia đình và không là hoạt động chính yếu trong nông nghiệp. Căn cứ vào các tài liệu nghiên cứu, chưa có cơ sở minh chứng hoạt động chăn nuôi ở Hà Châu đáp ứng nhu cầu thương mại lớn. Nếu có chỉ là dùng để trao đổi và buôn bán với quy mô nhỏ trong các cộng đồng dân cư nơi đây.

Vị trí thuận lợi của Hà Châu với hơn 50km đường bờ biển, còn có đảo Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Lan và đầm Đông Hồ rộng hơn 6km² thông ra biển... do đó hoạt động đánh bắt thủy hải sản diễn ra thường xuyên và liên tục. Nguồn lợi về thủy hải sản là sự ưu đãi của thiên nhiên nơi đây. Việc khai thác nguồn lợi thủy hải sản diễn ra từ rất sớm, trước thế kỷ XVII và không ngừng phát triển đến thế kỷ XIX. Đây là mặt hàng phong phú trong buôn bán ở thị trường Hà Châu. Câu tục ngữ địa phương “*gạo Rạch Giá, cá Hà Tiên, tiền Phú Quốc*” đã nói lên sự phát triển mạnh của hoạt động đánh bắt thủy hải sản nơi đây.

2.3. Một số nhận xét

2.3.1. Sự thay đổi về tổ chức sản xuất nông nghiệp

Ở các thế kỷ XVII và XVIII, Hà Châu là vùng đất mới được khai phá và canh tác bởi họ Mạc, do vậy nơi đây chỉ tồn tại một loại hình tư hữu tư ruộng đất. Nửa đầu thế kỷ XIX, sở hữu ruộng đất nơi đây bị phân hóa thành ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước và ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân. Trong đó, loại hình tư hữu chiếm ưu thế hơn, song chỉ dừng ở quy mô nhỏ và rời rạc, chưa đạt đến mức tập trung cao tạo ra đại quy mô sở hữu đất đai đáp ứng cho phát triển kinh tế nông nghiệp mang tính thị trường. Trong khi đó, loại hình công hữu ruộng đất xuất phát từ sự áp đặt của nhà nước đối với đất đai nơi đây nhưng chưa đạt mức độ triệt để nên không tạo ra quy mô lớn trong canh tác nông nghiệp và mang tính bình quân về ruộng đất nhỏ lẻ.

Sự thay đổi loại hình sở hữu ruộng đất ở Hà Châu nửa đầu thế kỷ XIX đã ảnh hưởng đến thay đổi trong tổ chức sản xuất nông nghiệp nơi đây. Hoạt động canh tác nông nghiệp nhỏ theo hộ gia đình chủ yếu và mang tính tự cấp tự túc, do vậy trước những biến động xã hội, sản lượng lương thực trở nên khan hiếm. Hoạt động sản xuất nông nghiệp với mức độ phân tán, thiếu độ tập trung và thiếu nguồn vốn sản xuất với quy mô lớn nên không thể gia tăng được sản lượng nông sản cung cấp cho nền kinh tế thị trường. Vì thế, sự thay đổi trong sở hữu đất đai ở thế kỷ XIX đã không tạo động lực mới, không thể thúc đẩy hoạt động kinh tế nông nghiệp của huyện Hà Châu phát triển mạnh mẽ so với các khu vực ở Nam Bộ như Gia Định, Định Tường...

So với thế kỷ XVIII, canh tác nông nghiệp ở Hà Châu nửa đầu thế kỷ XIX đã có nhiều biến chuyển mới do công tác thủy lợi luôn được chú trọng. Tuy sản xuất nông nghiệp chỉ dừng lại ở quy mô hộ gia đình nhưng qua đó vẫn phản ánh được sự đổi thay về tổ chức sản xuất theo hướng thị trường, mặc dù sự thay đổi còn manh nha ở mức độ nhỏ.

2.3.2. Sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế ở huyện Hà Châu nửa đầu thế kỷ XIX

Trước thế kỷ XIX, thương nghiệp có vị trí trọng yếu trong cơ cấu kinh tế ở Hà Châu. Sự phát triển thương nghiệp nhờ vào ưu thế về vị trí địa lý và khả năng quản lý, kinh doanh của họ Mạc. Nửa đầu thế kỷ XIX, Hà Châu dưới sự quản lý của triều Nguyễn, với tư tưởng “*dĩ nông vi bản*” đã đưa nông nghiệp lên hàng đầu. Các vị vua đầu triều Nguyễn đã cố gắng xây dựng và không ngừng phát triển nông nghiệp nơi đây bằng nhiều giải pháp như đo đạc lại ruộng đất, khuyến khích và khen thưởng các hoạt động khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích canh tác, chính sách thuế ưu đãi... Song song đó là các giải pháp mang tính hỗ trợ và cứu tế cho dân cư Hà Châu mỗi khi mất mùa, đói kém, thiên tai, dịch họa... Điều đó đã có tác dụng tích cực đối với nông nghiệp và ổn định đời sống của nông dân ở Hà Châu.

Triều Nguyễn đã có nhiều cố gắng trong xây dựng nền tảng phát triển nông nghiệp, song chính sách vĩ mô khi áp dụng ở từng địa phương cần xem xét lại tính khoa học, thực tiễn và tính khả thi của nó. Đối với huyện Hà Châu thường xuyên chịu sự quấy nhiễu và cướp phá của quân Xiêm... vì thế xã hội nơi đây còn nhiều bất ổn. Hơn thế nữa, Hà Châu còn có thương cảng Hà Tiên, một thương cảng phát triển phồn thịnh ở thế kỷ XVIII nhưng không được tận dụng để phát huy thế mạnh của vùng. Những yếu tố đó cho thấy, cơ cấu kinh tế nơi đây đã có sự chuyển đổi nhưng sự thay đổi khi tập trung phát triển nông nghiệp mà bỏ quên nền thương nghiệp của vùng thì khó mang lại hiệu quả kinh tế.

Kinh tế thương nghiệp không được phát triển như trước mặc dù nền nông nghiệp hiện tại không mang lại hiệu quả. Vì địa thế Hà Châu khó thích ứng cho việc phát triển nông nghiệp và không hội tụ đủ yếu tố để thúc đẩy nông nghiệp chiếm vị trí trọng yếu trong cơ cấu kinh tế của vùng. Trong chính sách quản lý, triều Nguyễn đã áp đặt chính sách công điền, công thổ, điều này không phù hợp với tình hình tư hữu đất đai vốn đã được hình thành từ thế kỷ XVIII. Mặt khác, tư hữu về ruộng đất nơi đây chưa thể tạo ra đột biến với sự tập trung và tích tụ ruộng đất, thay vào đó là tình trạng tư hữu nhỏ lẻ ruộng đất rời rạc. Do vậy không tạo ra được sản lượng nông sản đáp ứng nhu cầu kinh tế hàng hóa của xã hội. Ngược lại, các tiền đề thiết yếu cho phát triển thương nghiệp của Hà Châu không được tận dụng nên không thể tạo động lực thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp của vùng. Nhà nước đã không thể nắm bắt cơ hội phát triển thương nghiệp để giải quyết những khó khăn của nông nghiệp ở Hà Châu.

2.3.3. Bài học lịch sử nhìn từ chính sách kinh tế nông nghiệp ở huyện Hà Châu nửa đầu thế kỷ XIX

Từ khảo cứu lịch sử đã để lại bài học kinh nghiệm quý báu cho thực tiễn hôm nay.

Xác định vị trí trọng yếu của ngành kinh tế chủ lực trong cơ cấu tổng thể nền kinh tế của vùng, từ đó tái cơ cấu kinh tế đảm bảo tính hiệu quả để phát triển bền vững. Vùng đất Hà Châu thế kỷ XIX tương ứng với phần lớn đất đai trải dài từ Hà Tiên – Kiên Lương đến huyện đảo Phú Quốc của tỉnh Kiên Giang, nơi đây có địa hình đa dạng cùng với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Do đó, chính quyền địa phương cần vận dụng linh hoạt các quy định của pháp luật, xây dựng cơ chế chính sách thông thoáng nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư phát triển hạ tầng, dịch vụ du lịch. Việc xác định ngành kinh tế chủ lực dựa trên điều kiện cụ thể địa phương sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho sự chuyển mình vươn lên trong phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội của toàn vùng.

Xây dựng cơ chế khai thác và sử dụng quỹ đất của địa phương có hiệu quả. Tiềm năng tài chính từ vốn hóa nguồn đất đai của địa phương sẽ rất lớn và tiếp tục tăng lên trong quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa. Trong chính sách quản lý, khai thác và sử dụng nguồn đất đai địa phương hiện nay không thể áp dụng mô hình quản lý cứng nhắc trong việc quy hoạch đất đai. Thay vào đó nên xây dựng phương thức tiếp cận riêng về đất đai và giá trị đất được sử dụng như nguồn thu chính cho ngân sách địa phương. Hoạch định cơ chế khai thác quỹ đất theo hướng phát triển bền vững nhằm đem lại hiệu quả trong khai thác nội lực và tạo nguồn vốn ngân sách để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đồng thời tạo được điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, thông qua đó sẽ góp phần phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội cho nhân dân.

Đổi mới chính sách quản lý đất nông nghiệp tạo động lực cho phát triển kinh tế nông nghiệp. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường với sự đa dạng và trỗi dậy của các ngành kinh tế, song nông nghiệp vẫn chiếm vị trí đặc biệt quan trọng có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội. Trước sự phát triển của kinh tế hội nhập đòi hỏi nông nghiệp phải có sự thay đổi

phù hợp, bắt kịp sự chuyển biến và hòa nhịp phát triển. Tuy nhiên, các chính sách quản lý đất nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế khiến cho nền nông nghiệp trở nên lỗi thời so với xu thế thời đại. Luật Đất đai năm 2013 quy định hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất không quá 3 ha. Trong khi đó, nông nghiệp muốn phát triển cần có diện tích đất được tập trung với quy mô lớn có thể áp dụng khoa học, kỹ thuật, máy móc, chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tạo ưu thế cho nông sản Việt Nam vươn tầm quốc tế. Vì thế, diện tích đất manh mún trở nên rào cản cho việc đầu tư và không có tính khả thi cao. Do vậy, đổi mới chính sách quản lý đất nông nghiệp theo hướng tăng quy mô đất đai canh tác sẽ góp phần tăng năng suất sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp đồng thời gia tăng vị thế của người nông dân trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hóa.

Ngoài ra, cải cách thủ tục hành chính cần mang giá trị thực tiễn, đảm bảo tính công bằng và tiện ích cho nhân dân. Đây mạnh cải cách thủ tục hành chính trong việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cá nhân và doanh nghiệp trong giải quyết vấn đề sử dụng đất đai, thiết lập cơ chế tạo quỹ đất để phục vụ phát triển nông nghiệp tập trung, quy mô lớn. Giải quyết tốt vấn đề này sẽ tạo nền tảng cho phát triển nông nghiệp mang tính bền vững, từng bước tiệm cận với công cuộc hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn hiện nay.

3. Kết luận

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, đất đai ở Hà Châu, tỉnh Hà Tiên hoang hóa nhiều nhưng với sự nỗ lực của triều Nguyễn đã góp phần mở rộng diện tích canh tác. Do vậy, kinh tế nông nghiệp nơi đây có sự chuyển biến tích cực so với các thế kỷ trước. Song, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu nên chưa thể tạo động lực mới cho sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, chính sách quản lý kinh tế của triều Nguyễn

đối với Hà Châu có nhiều điểm mới nhưng thực sự chưa phù hợp với điều kiện địa phương. Vì thế không thể phát huy được thế mạnh kinh tế thực sự của Hà Châu trước yêu cầu kinh tế hàng hóa thế kỷ XIX ở Nam Bộ. Qua nghiên cứu đã gợi mở nhiều vấn đề về chính sách quản lý kinh tế địa phương, đặc biệt là vùng biên giới, hải đảo một cách hiệu quả và mang tính chiến lược lâu dài trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trương Minh Đạt, *Nghiên cứu Hà Tiên*, Nxb Trẻ - Tạp chí Xưa & Nay, Tp. Hồ Chí Minh, 2008.
- [2]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch Viện Sử học, tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006.
- [3]. Trương Quốc Dụng, *Thối thực ký văn*, bản dịch Nguyễn Lợi & Nguyễn Đồng Chi, Nxb Tân Việt, Hà Nội, 1944.
- [4]. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [5]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, tập 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- [6]. Trung tâm lưu trữ quốc gia I, 44 địa bạ của các xã, thôn thuộc huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên năm 1836: Hoa Giáp thôn (kí hiệu 16527:6), Tiên Hưng thôn (16447:5), Tiên Hưng Tây thôn (16450:8), Tiên Long thôn (16443:9), Tiên Phước thôn (16449:4), Bình An thôn (16518:7), Hòa Mỹ Đông thôn (16529:4), Hòa Thuận thôn (16432:4), Mỹ Đức xã (16433:11), Tân Thạnh thôn (16442:7), Thạnh Long thôn (16452:5), Thuận An thôn (16453:17), Tiên Mỹ thôn (16444:4), Tiên Quán xã (16448:5), Tiên Thái thôn (16446:4), Vy Sơn thôn (16456:5), Cổ Tham xã (16427:6), Đôn Hậu thôn (16429:5), Hòa Luật thôn (16528:9), Lộc Trĩ thôn (16532:8), Mụ Sơn thôn (16435:4), Nhượng Lộ thôn (16438:6), Tầm Lai thôn (16440:5), An Thái thôn (16516:4), Cẩm Sơn thôn (16426:4), Dương Đông thôn (16526:6), Hàm Ninh thôn (16431:5), Mỹ Thạnh thôn (16434:4), Tân Tập thôn (16441:4), Phú Đông thôn (16538:5), Phước Lộc thôn (16439:4), Thái Thạnh thôn (16451:5), Tiên Tinh thôn (16445:5), Càn Thu thôn (16523:5), Côn Văn thôn (16428:6), Dương Hòa thôn (16430:14), Mông Mậu xã (16436:13), Nam An thôn (16437:5), Nam Hoa thôn (16537:5), Sa Kỳ thôn (16543:11), Thuận Đức thôn (16454:9), Trà Câu thôn (16568:6), Trác Việt thôn (16565:6), Tư Nghĩa thôn (16455:7), Hà Nội.
- [7]. Huỳnh Lửa (chủ biên), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ (tái bản có chỉnh sửa & bổ sung)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 2017.
- [8]. Trần Việt Nhân, *Lịch sử hình thành và phát triển của thương cảng Hà Tiên (thế kỷ XVII – XIX)*, Luận văn thạc sĩ khoa học Lịch sử Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 2010.
- [9]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- [10]. Nguyễn Thế Anh, *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, Nxb Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1971.